**MÔN NGỮ VĂN**

**PHIẾU TUẦN 5 KHỐI 9 MÔN VĂN**

**Phần I:** (4điểm). Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

*“…Các ngươi đều là những người có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!”*

**1.** Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Nêu một vài hiểu biết của em về tác giả của đoạn trích?

**2**. Đoạn văn trên là lời nói của ai? Được nói trong hoàn cảnh nào?

**3.** Qua những câu văn trên em liên tưởng thấy giống như những lời văn trong bài nào của văn học cổ? Do ai viết? Mục đích viết?

**4.** Dựa vào đoạn văn trên kết hợp với hiểu biết của mình, hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ của em về tinh thần đoàn kết.

**Phần II:** (6 điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.”*

(Bếp lửa - Bằng Việt)

**1.** Bài thơ “Bếp lửa” ra đời trong hoàn cảnh nào? Nêu mạch cảm xúc của bài thơ?

**2**. Chỉ ra từ láy trong dòng thơ đầu? Từ láy ấy giúp em hình dung gì về hình ảnh “Bếp lửa” mà tác giả nhắc tới?

**3**. Tình cảm gia đình hòa quyện trong tình yêu quê hương, đất nước là một đề tài quen thuộc được thể hiện trong bài thơ. Hãy kể tên hai bài thơ Việt Nam hiện đại trong chương trình Ngữ văn 9 cũng viết về đề tài ấy và ghi rõ tên tác giả?

**4**. Viết một đoạn văn quy nạp khoảng 10->12 câu trình bày cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong bài thơ “Bếp lửa”. trong đó có sử dụng 01 câu cảm thán, 1 phép thế. (gạch chân, chỉ rõ)

**5**. Bằng những hiểu biết của em, hãy nêu suy nghĩ về tình yêu quê hương đất nước của thế hệ trẻ trong thời đại hiện nay

**- Hết -**

***\* Sau khi hoàn thành đề, HS vẽ sơ đồ tư duy khái quát kiến thức 2 văn bản có trong đề bài (chụp lại và gửi kèm phần bài tập mình làm cho GVBM)***

***1. Hoàng Lê nhất thống chí hồi 14***

***2. Bếp lửa.***

**MÔN TIẾNG ANH**

**PHIẾU BÀI TẬP ( 9/3- 15/3/2020)**

**MÔN : TIẾNG ANH KHỐI 9**

**I. THEORY( Giáo viên yêu cầu tất cả phần 2,3,4,5 phải viết ra vở , gv sẽ kiểm tra vở và kiểm tra miệng các phần lý thuyết, các động từ bất quy tắc để lấy điểm) - TẤT CẢ CÁC PHẦN LÝ THUYẾT ĐỀU CÓ TRONG SÁCH NGỮ PHÁP MÀ GIÁO VIÊN VẪN DẠY TRÊN LỚP.**

**1.Các cấu trúc câu**

21. to be interested in + N/V-ing: quan tâm đến...e.g. Mrs Brown is interested in going shopping on Sundays.

22. to waste + time/ money + V-ing: tốn tiền hoặc thời gian làm gìe.g. He always wastes time playing computer games each day.e.g. Sometimes, I waste a lot of money buying clothes.  
23. To spend + amount of time/ money + V-ing: dành bao nhiêu thời gian làm gì..e.g. I spend 2 hours reading books a day.e.g. Mr Jim spent a lot of money traveling around the world last year.  
24. To spend + amount of time/ money + on + something: dành thời gian vào việc gì...e.g. My mother often spends 2 hours on housework everyday.e.g. She spent all of her money on clothes.  
25. to give up + V-ing/ N: từ bỏ làm gì/ cái gì...e.g. You should give up smoking as soon as possible.  
26. would like/ want/wish + to do something: thích làm gì...e.g. I would like to go to the cinema with you tonight.  
27. have + (something) to + Verb: có cái gì đó để làme.g. I have many things to do this week.  
28. It + be + something/ someone + that/ who: chính...mà...  
e.g. It is Tom who got the best marks in my class.e.g. It is the villa that he had to spend a lot of money last year.  
29. Had better + V(infinitive): nên làm gì....e.g. You had better go to see the doctor.  
30. hate/ like/ dislike/ enjoy/ avoid/ finish/ mind/ postpone/ practise/ consider/ delay/ deny/ suggest/ risk/ keep/ imagine/ fancy + V-ing  
e.g. I always practise speaking English everyday.  
31. It is + tính từ + ( for smb ) + to do smtVD: It is difficult for old people to learn English.( Người có tuổi [học tiếng Anh](http://kenhtuyensinh.vn/hoc-tieng-anh) thì khó )  
32. To be interested in + N / V\_ing ( Thích cái gì / làm cái gì )VD: We are interested in reading books on history.( Chúng tôi thích đọc sách về lịch sử )  
33. To be bored with ( Chán làm cái gì )VD: We are bored with doing the same things everyday.( Chúng tôi chán ngày nào cũng làm những công việc lặp đi lặp lại ) - [học tiếng anh giao tiếp](http://kenhtuyensinh.vn/tieng-anh-giao-tiep)  
34. It’s the first time smb have ( has ) + PII smt ( Đây là lần đầu tiên ai làm cái gì )VD: It’s the first time we have visited this place.( Đây là lần đầu tiên chúng tôi tới thăm nơi này )  
35. enough + danh từ ( đủ cái gì ) + ( to do smt )VD: I don’t have enough time to study.( Tôi không có đủ thời gian để học )  
36. Tính từ + enough (đủ làm sao ) + ( to do smt )VD: I’m not rich enough to buy a car.( Tôi không đủ giàu để mua ôtô )  
37. too + tính từ + to do smt ( Quá làm sao để làm cái gì )VD: I’m to young to get married.( Tôi còn quá trẻ để kết hôn )  
38. To want smb to do smt = To want to have smt + PII( Muốn ai làm gì ) ( Muốn có cái gì được làm )VD: She wants someone to make her a dress.( Cô ấy muốn ai đó may cho cô ấy một chiếc váy )= She wants to have a dress made.( Cô ấy muốn có một chiếc váy được may )  
39. It’s time smb did smt ( Đã đến lúc ai phải làm gì )VD: It’s time we went home.( Đã đến lúc tôi phải về nhà )  
40. It’s not necessary for smb to do smt = Smb don’t need to do smt( Ai không cần thiết phải làm gì ) doesn’t have to do smtVD: It is not necessary for you to do this exercise.( Bạn không cần phải làm bài tập này )  
**2. Cụm từ và mệnh đề chỉ kết quả.**

**3. Cụm từ và mệnh đề chỉ nguyên nhân. *Cách dùng, công thức, lấy ví dụ***

**4. Cụm từ và mệnh đề chỉ kết quả.**

**5. Hiện tại phân từ, quá khứ phân từ *.( Phân biệt cách dùng của chúng )***

**6. Học thuộc 20 động từ bất quy tắc**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **70** | sell | sold | sold | bán |
| **71** | send | sent | sent | gửi |
| **72** | show | showed | showed/shown | chỉ ra, cho thấy |
| **73** | shut | shut | shut | đóng |
| **74** | sing | sang | sung | hát |
| **75** | sit | sat | sat | ngồi |
| **76** | sleep | slept | slept | ngủ |
| **77** | speak | spoke | spoken | nói |
| **78** | spend | spent | spent | chi tiêu |
| **79** | stand | stood | stood | đứng |
| **80** | swim | swam | swum | bơi |
| **81** | take | took | taken | có |
| **82** | teach | taught | taught | dạy |
| **83** | tear | tore | torn | xé |
| **84** | tell | told | told | nói |
| **85** | think | thought | thought | nghĩ |
| **86** | throw | threw | thrown | ném |
| **87** | understand | understood | understood | hiểu |
| **88** | wake | woke | woken | thức |
| **89** | wear | wore | worn | mặc |
| **90** | win | won | won | giành chiến thắng |

**II. Exercise**

**I. MULTIPLE CHOICE: (8 points)**

***Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the rest in the pronunciation of the underlined part in each of the following questions from 1 to 2.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Question 1:** A. accent | B. factor | C. anniversary | D. variety |
| **Question 2:** A. naked | B. helped | C. looked | D. reduced |

***Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in the following questions from 3 to 4.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Question 3:** A. fluent | B. language | C. explore | D. massive |
| **Question 4:** A. immersion | B. multinational | C. flexibility | D. inaccessible |

***Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 5 to 13.***

**Question 5:** More and more women in the world now \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_independent.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. used to be | B. used to being | C. use to be | D. use to being |

**Question 6:** It was \_\_\_\_\_\_\_\_ hot day that we decided to go to leave the work early.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. so | B. so a | C. such | D. such a |

**Question 7:** The teacher told the students always to tell the\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. true | B. truth | C. information | D. fact |

**Question 8:** He rarely goes fishing, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. doesn’t he | B. is he | C. does he | D. isn’t he |

**Question 9:** My brother \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ a sports car if he \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the money.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. bought/would have | B. would buy/had | C. would bought/have | D. bought/would had |

**Question 10:** The problem with him is that he suffers from constant\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. sleepy | 1. sleepless | 1. sleeplessness | 1. asleep |

**Question 11:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ I was talking to my teacher, my friends were waiting outside the classroom.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. In order that | B. While | C. Although | D. So that |

**Question 12:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_of the Titanic was caused by an iceberg.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. plunge | B. descent | C. drowning | D. sinking |

**Question 13:** The volcano on the island is still\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. alive | B. performing | C. busy | D. active |

***Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the most suitable response to each of the following exchanges from 14 to 15.***

**Question 14**: - “ I’m taking my driving test tomorrow.”

-“\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.”

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Good fortune | 1. Good luck | 1. Good outcome | 1. Good success |

**Question 15:** \_ “ Do you mind if I switch the light off?”

-“ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.”

|  |  |
| --- | --- |
| A. Yes, I mind it, sorry. | B. What will you do if I don’t mind it? |
| 1. Yes. Please do it. | 1. I’d rather you didn’t, if you don’t mind. |

***Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following questions from 16 to 17.***

**Question 16:** The teacher gave some **suggestions**on what could come out for the examination.

A**.**effects                  B**.**symptoms             C**.**hints                      D**.**demonstrations

**Question 17:** When their rent increased from 200 to 400 a month, they protested against such a **tremendous** increase.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A**.**light | B**.**huge | C**.**tiring | D**.**difficult |

***Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to the underlined part in each of the following questions from 18 to 19.***

**Question 18:** Fruit and vegetables grew in **abundance**on the island. The islanders even exported the surplus.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A**.**large quantity | B**.** small quantity | C**.**excess | D**.**sufficiency |

**Question 19:** Because Jack **defaulted**on his loan, the bank took him to court.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A**.**paid in full | B**.**failed to pay | C**.**had  a bad personality | D**.**was paid much money |

***Choose the underlined word or phrase that needs correcting in each of the following sentences from 20 to 23.***

**Question 20:** Don’t put too much garlic in the salad; two bunches are enough.

A B C D

**Question 21:** Lan was extreme pleased that she got an A for her assignment.

A B C D

**Question 22:** Why weren’t you inform us about the strike?

A B C D

***Reading the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks from 23 to 27.***

Recently, a study in the USA showed that 75% of high school students (23)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in tests and exams. If we include copying homework, the number is 90 %. Many students don’t even realize that (24)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ they’re doing is wrong. They think that cheating is OK now because it’s common.

In the past, weaker students cheated but now cheats are often clever kids who need higher grades. There is more competition today.

One high school student says, “There’s big (25)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to get into a good university. You have to get good marks, and to get good marks some teens think they have to cheat.”

In the American study, 50% of teens agreed with the opinion “People sometimes have to lie and cheat to be succeed” It seems that cheating has become normal for some people. There are a lot of cheats. We see more and more cheats in sport and in business. Unfortunately, adults don’t always set a good example.

Cheating is easier with new technology. There are websites where you can download exams and essays. You can pay people online to write an essay for you. Students are instant messaging homework answers and they can send text messages to friends (26)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ exams or put answers into their MP3 players.

Teachers can (27)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ cell phones and camera and use special software to detect copying in homework. School principles can suspend or expel students who cheat. But really it’s more important for people to know that they don’t have to cheat to be successful – cheats never win and winner never cheat.

**Question 23:** A. has cheated B. have cheated C. are cheating D. cheat

**Question 24:** A. which B. why C. what D. where

**Question 25:** A. stress B. pressure C. nervous D. tense

**Question 26:** A. on B. at C. in D. of

**Question 27:** A. ban B. stop C. end D. delay

***Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 28 to 32.***

Education is another area of social life in which information technology is changing the way we communicate. Today’s college students may not simply sit in a lecture or a library to learn about their field. Through their computers and the wonders of virtual reality they can participate in lifelike simulated experiences and consider the following scenario of the future of education made possible through developments in information technology.

For children over the age of 10, daily attendance at schools is not compulsory. Yet, some of the older children attend school only once or twice weekly to get tutoriol support or instruction from a teacher. For the most part, pupils are encouraged to work online from home. Students must complete a minimum number of study hours per years; however, they may make up these hours by studying at home at times that suit their family schedule. They can log on early or late in the day and even join live classes in other countries. In order to ensure that each student is learning adequately, computer software will automatically monitor the number of hours a week each student studies online as well as that students’ learning materials and assessment activities. Reports will be available for parents and teachers. The software can then identify the best learning activities and condition for each invidual student and generate similar activities. It can also identify areas of weak achievement and produce special programs adjusted to the students’ needs.

**Question 28:** *What is the topic of the passage?*

A. Computer software will make sure students learn at home.

B. Students don’t have to go to school any more.

C. The effect of information technology on education.

D. Students can know about their weak aspects to focus.

**Question 29:** *How many times are children who are older than 10 required to go to school weekly?*

A. No time. B. Once or twice. C. Three. D. Four.

**Question 30:** *Who/ What counts the number of hours per week that students spend learing?*

A. Virtual reality. B. Teacher.

C. Computer software. D. Parents.

**Question 31:** *What CAN’T the software do?*

A. Design materials for the students. B. Monitor the time the students learn.

C. Find out the best activities for the students. D. Identify weaknesses of the students.

**Question 32:** *What is NOT MENTIONED as a benefit of information technology to the students?*

A. Students can stay at home to learn.

B. Students can learn at times that suit their schedule.

C. Students’ weak achievement can be identified.

D. Students’ learning time won’t be monitored.

**II. WRITING: (2.0 points)**

**Finish the second sentence so that it has a similar meaning to the first one, beginning with the given words** **(questions from 33 to 36).**

33. “Why don’t you put better lock on the door, Barbara”? said John.

=> John suggested……………………………………………………………………………………..

34. Although his both legs were broken in the crash, he managed to get out of the car before it exploded.

=> Despite his………………………………………………………………………………………….

35 I haven’t eaten this kind of food before.

=> This is the first……………………………………………………………………………………..

36. The architect has drawn plans for an extension to the house.

=> Plans………………………………………………………………………………………………..

**Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first one using the word in brackets. Do not change the given words in any ways (questions from 37 to 40).**

37. It isn’t necessary for you to finish by Saturday. (HAVE TO)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

38. “ How many survivors are there?”, asked the journalist. (WANTED TO KNOW)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

39. It was such rotten meat that it had to be thrown away. (SO … THAT)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

40. It is essential that Professor John Lee is met at the airport. (MUST )

**MÔN VẬT LÝ**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN VẬT LÝ 9**

**( Từ ngày 9/3 – 15 /3/2020)**

**Năm học: 2019 - 2020**

**I. LÝ THUYẾT**

Chương I: Điện học

**II. BÀI TẬP**

**1.** Điện trở R của dây dẫn biểu thị cho

A. Tính cản trở dòng điện nhiều hay ít của dây.

B. Tính cản trở hiệu điện thế nhiều hay ít của dây.

C. Tính cản trở electron nhiều hay ít của dây.

D. Tính cản trở điện lượng nhiều hay ít của dây.

**2.** Biểu thức đúng của định luật Ohm là:

A. . B. . C. . D. U = I.R.

**3.** Công thức nào là đúng khi mạch điện có hai điện trở mắc song song?

A. U = U1 = U2. B. U = U1 + U2. C.  D. 

**4.** Công thức nào là công thức tính điện trở tương đương của hai điện trở mắc nối tiếp?

A. R = R1 + R2. B.  C.  D. 

5. Trong các biểu thức sau đây, biểu thức nào là biểu thức của định luật Jun–Lenxơ?

A. Q = I.R.t B. Q = I.R².t C. Q = I2.R.t D. Q = I².R².t

**6.** Phát biểu nào sau đây là đúng với nội dung của định luật Jun– Lenxơ?

A. Nhiệt lượng tỏa ra trong một dây dẫn tỉ lệ thuận với cường độ dòng điện, tỉ lệ thuận với điện trở và thời gian dòng điện chạy qua.

B. Nhiệt lượng tỏa ra trong một dây dẫn tỉ lệ thuận với bình phương cường độ dòng điện, tỉ lệ nghịch với điện trở và thời gian dòng điện chạy qua.

C. Nhiệt lượng tỏa ra trong một dây dẫn tỉ lệ thuận với điện trở, với hiệu điện thế giữa hai điện đầu điện trở và thời gian dòng điện chạy qua.

D. Nhiệt lượng tỏa ra trong một dây dẫn tỉ lệ thuận với bình phương cường độ dòng điện, tỉ lệ thuận với điện trở và thời gian dòng điện chạy qua.

**7.** Dây dẫn có chiều dài l, tiết diện S và làm bằng chất có điện trở suất ρ, thì có điện trở R được tính bằng công thức

A. R =  B. R = **** C. R =  D. R =

**8.** Công suất điện cho biết

A. Khả năng thực hiện công của dòng điện.

B. Năng lượng của dòng điện.

C. Lượng điện năng sử dụng trong một đơn vị thời gian.

D. Mức độ mạnh hay yếu của dòng điện.

**9.** Công thức tính công của dòng điện sinh ra trong một đoạn mạch là

A. A = U.I².t B. A = U.I.t C. A = U².I.t D A = 

**10.** Để đảm bảo an tòan khi sử dụng điện, ta cần phải

A. mắc nối tiếp cầu chì loại bất kỳ cho mỗi dụng cụ điện.

B. sử dụng dây dẫn không có vỏ bọc cách điện.

C. rút phích cắm đèn ra khỏi ổ cắm khi thay bóng đèn.

D. làm thí nghiệm với nguồn điện có hiệu điện thế cao.

**11.** Năng lượng của dòng điện gọi là

A. Cơ năng. B. Nhiệt năng. C. Quang năng. D. Điện năng.

**12.** Thiết bị điện nào sau đây khi hoạt động đã chuyển hóa điện năng thành cơ năng và nhiệt năng?

A. Quạt điện. B. Đèn LED. C. Ấm điện D. Nồi cơm điện.

**13.** Hai dây dẫn hình trụ được làm từ cùng một vật liệu, có cùng chiều dài , có tiết diện lần lượt là S1,S2 ,diện trở tương ứng của chúng thỏa điều kiện:

A.= . B. = . C. . D. .

**14.** Hai dây dẫn được làm từ cùng một vật liệu có cùng tiết diện, có chiều dài lần lượt là l1,l2 . Điện trở tương ứng của chúng thỏa điều kiện :

A. = . B.  = . C. R1 .R2 =l1 .l2 . D. R1 .l1 = R2 .l2 .

**15.** Hai dây dẫn đều làm bằng đồng có cùng chiều dài l . Dây thứ nhất có tiết diện S và điện trở 6Ω. Dây thứ hai có tiết diện 2S. Điện trở dây thứ hai là:

A. 12 Ω . B. 9 Ω . C. 6 Ω . D. 3 Ω

**16.** Hai dây dẫn bằng đồng có cùng chiều dài. Dây thứ nhất có tiết diện S1 = 0.5mm2 và R1  =8,5 Ω .Dây thứ hai có điện trở R2 = 127,5Ω , có tiết diện S2 là :

A.S2 = 0,33 mm2  B. S2 = 0,5 mm2 C. S2 = 15 mm2  D. S2 = 0,033 mm2.

**17.** Trên một biến trở có ghi 50 Ω – 2,5 A. Hiệu điện thế lớn nhất được phép đặt lên hai đầu dây cố định của biến trở là

A. U = 125 V. B. U = 50,5 V. C. U = 20 V. D. U = 47,5 V.

**18.** Nếu hiệu điện thế giữa 2 đầu dây dẫn tăng 1,2 lần thì

A. cường độ dòng điện tăng 2,4 lần.

B. cường độ dòng điện giảm 2,4 lần.

C. cường độ dòng điện giảm 1,2 lần.

D. cường độ dòng điện tăng 1,2 lần.

**19.** Khi đặt vào hai đầu dây dẫn một hiệu điện thế 6V thì cường độ dòng điện qua nó là 0,5A.Nếu hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn là 24V thì cường độ dòng điện qua nó là:

A. 1,5A. B. 2A. C. 3A. D. 1A.

**20.** Hai bóng đèn có ghi : 220V – 25W , 220V – 40W . Để 2 bóng đèn trên hoạt động bình thường ta mắc song song vào nguồn điện :

A. 220V B. 110V C. 40V D. 25V

**21.** Cho hai điện trở mắc nối tiếp, mối quan hệ giữa nhiệt lượng toả ra trên mỗi dây và điện trở của nó được viết như sau:

A. = . B. = . C.= . D. A và C đúng

**22.** Trên một bóng đèn có ghi 12 V– 6W .

A. Cường độ dòng điện lớn nhất mà bóng đèn chịu được là 2A.

B. Cường độ dòng điện lớn nhất mà bóng đèn chịu được là 0,5A.

C. Cường độ dòng điện tối thiểu mà bóng đèn sáng được là 2A.

D. Cường độ dòng điện qua bóng đèn khi đèn sáng bình thường là 0,5A.

**23.** Số oát ghi trên dụng cụ điện cho biết :

A. Công suất mà dụng cụ tiêu thụ khi hoạt động bình thường.

B. Điện năng mà dụng cụ tiêu thụ khi hoạt động bình thường trong thời gian 1 phút.

C. Công mà dòng điện thực hiện khi dụng cụ hoạt động bình thường.

D. Công suất điện của dụng cụ khi sử dụng với những hiệu điện thế không vượt quá hiệu điện thế định mức.

**24.** Trong công thức P = I2.R nếu tăng gấp đôi điện trở R và giảm cường độ dòng điện 4 lần thì công suất:

A. Tăng gấp 2 lần. B. Giảm đi 2 lần. C. Tăng gấp 8 lần. D. Giảm đi 8 lần.

**25.** Mỗi ngày công tơ điện của một gia đình đếm 2,5 số. Gia đình đó đã tiêu thụ mỗi ngày một lượng điện năng là:

A. 90000J B. 900000J C. 9000000J D. 90000000J

**26.** Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn có dạng là

A. một đường thẳng đi qua gốc tọa độ.

B. một đường thẳng không đi qua gốc tọa độ .

C. một đường cong đi qua gốc tọa độ.

D. một đường cong không đi qua gốc tọa độ.

**27.** Khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn tăng thì

A. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn không thay đổi.

B. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn giảm tỉ lệ với hiệu điện thế.

C. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn có lúc tăng, lúc giảm.

D. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tăng tỉ lệ với hiệu điện thế.

**28.** Hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn giảm bao nhiêu lần thì

A. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn không thay đổi.

B. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn có lúc tăng, lúc giảm.

C. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn giảm bấy nhiêu lần.

D. cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tăng bấy nhiêu lần.

**29.** Một điện trở con chạy được quấn bằng dây hợp kim nicrôm có điện trở suất ρ = 1,1.10-6 Ω.m, đường kính tiết diện d1 = 0,5mm, chiều dài dây là 6,28 m. Điện trở lớn nhất của biến trở là:

A. 3,52.10-3 Ω . B. 3,52 Ω . C. 35,2 Ω . D. 352 Ω .

**30.** Hai điện trở R1 = 3Ω, R2 = 6Ω mắc song song với nhau, điện trở tương đương của mạch là :

A. Rtđ = 2Ω B.Rtđ = 4Ω C.Rtđ = 9Ω D. Rtđ = 6Ω

**31.** Hai điện trở R1 = 8Ω , R2 = 2Ω mắc song song với nhau vào hiệu điện thế U = 3,2V . Cường độ dòng điện chạy qua mạch chính là :

A. 1A B. 1,5A C. 2,0A D. 2,5A

**32.** Cho hai điện trở R1= 12Ω và R2 = 18Ω được mắc nối tiếp nhau. Điện trở tương đương R12 của đoạn mạch đó có thể nhận giá trị nào trong các giá trị sau đây:

A. R12 = 12Ω B.R12 = 18Ω C. R12 = 6Ω D. R12 = 30Ω

**33.** Một bếp điện khi hoạt động bình thường có điện trở R=80Ω và cường độ dòng điện qua bếp khi đó là I=2,5A. Nhiệt lượng mà bếp tỏa ra trong 1giây là:

A. 200J. B. 300J. C. 400J. D. 500J.

**34.** Hai điện trở R1 , R2 mắc song song với nhau. Biết R1 = 6Ω điện trở tương đương của mạch là Rtđ = 3Ω . Thì R2 là :

A. R2 = 2 Ω B. R2 = 3,5Ω C. R2 = 4Ω D. R2 = 6Ω

**35.** Một bàn là được sử dụng ở hiệu điện thế định mức 220V trong 10 phút thì tiêu thụ một lượng điện năng là 66KJ. Cường độ dòng điện qua bàn là là:

A. 0,5 A B. 0,3A C. 3A D. 5A

**36.** Một bóng đèn loại 220V – 100W và một bếp điện loại 220V – 1000W được sử dụng ở hiệu điện thế định mức, mỗi ngày trung bình đèn sử dụng 5 giờ, bếp sử dụng 2 giờ. Giá 1 KWh điện 700 đồng. Tính tiền điện phải trả của 2 thiết bị trên trong 30 ngày?

A.52.500 đồng B.115.500 đồng C. 525.000 đồng D. 11.550đồng

**37.** Một bóng đèn loại 220V-100W được sử dụng ở hiệu điện thế 220V. Điện năng tiêu thụ của đèn trong 1h là:

A. 220 KWh B 100 KWh C. 1 KWh D. 0,1 KWh

**38.** Khi đặt vào hai đầu một đoạn mạch hiệu điện thế 12V thì cường độ dòng điện chạy qua đoạn mạch là 0,5A. Công của dòng điện sản ra trên đoạn mạch đó trong 10 giây là:

A. 6J B. 60J C. 600J D. 6000J

**39.** Người ta dùng bếp điện để đun sôi 2 lít nước từ nhiệt độ 20°C. Để đun sôi lượng nước đó trong 20 phút thì phải dùng bếp điện có công suất bao nhiêu? Biết nhiệt dung riêng của nước là 4,18.103 J/kg.K , hiệu suất của bếp là 80%.

A. 68W B. 697W C. 231W D. 126W

**40.** Một bếp điện có hai dây điện trở R1 và R2. Mắc bếp vào U không đổi để đun nước bằng dây R1 thì nước bắt đầu sôi sau 30 phút, nếu dùng R2 thì nước bắt đầu sôi sau 20 phút. Nếu mắc nối tiếp R1 và R2 để đun lượng nước trên thì nước sẽ sôi sau:

A. 50 phút B. 10 phút C. 12 phút D. 30 phút

**MÔN HÓA**

**BÀI TẬP HÓA HỌC 9 (9/3 – 15/3)**

**LÝ THUYẾT**

|  |
| --- |
| **TÍNH TAN TRONG NƯỚC CỦA MUỐI**  **-Cl:** hầu hết tan (trừ AgCl, PbCl2).  **=SO4:** hầu hết tan (trừ BaSO4, PbSO4).  **-NO3:** tất cả tan.  **=CO3, PO4, =S, =SO3:** chỉ có Li, K, Na là tan. |
| **DÃY HOẠT ĐỘNG HÓA HỌC CỦA KIM LOẠI**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | I | I | I | II | II | II | III | II | II, III |  | | **Li** | **K** | **Na** | **Ba** | **Ca** | **Mg** | **Al** | **Zn** | **Fe** | **Ni** | |  | II, IV |  | II |  | I |  |  |  |  | | **Sn** | **Pb** | **H** | **Cu** | **Hg** | **Ag** | **Pt** | **Au** |  |  | |

**TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA OXIT *- AxOy***

|  |  |
| --- | --- |
| **OXIT BAZO**  **1. OBtan + H2O -> dd Bazo**  *(Li2O, K2O, Na2O, BaO, CaO)(q.tím -> xanh)*  CaO + H2O -> Ca(OH)2  **2. OB + dd Axit -> dd Muối + H2O**  CuO + 2HCl -> CuCl2 + H2O | **OXIT AXIT**  **1. Nhiều OA (trừ SiO2) + H2O -> dd Axit**  *(làm quỳ tím hóa đỏ)*  SO3 + H2O -> H2SO4  **2. OA + Bazotan -> dd Muối + H2O**  *(LiOH, KOH, NaOH, Ba(OH)2, Ca(OH)2)*  CO2 + Ca(OH)2 -> CaCO3 + H2O |
| **3. OBtan + OA -> Muối**  *(Li2O, K2O, Na2O, BaO, CaO)*  K2O + SO3 -> K2SO4 | |

**TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA AXIT: *HxA (A – gốc axit)***

- Axit mạnh: HCl, H2SO4, HNO3, H3PO4­,...

- Axit yếu: H2S, H2CO3, H2SO3,...

**1. Dung dịch axit làm quỳ tím hóa đỏ.**

**2. Axit (HCl, H2SO4 loãng) + Kim loại (đứng trước H) -> Muối + H2**

2HCl + Fe  FeCl2 + H2

**3. Axit + Bazo -> Muối + H2O**

H2SO4 + Cu(OH)2 -> CuSO4 + 2H2O

**4. Axit + Oxit bazo -> Muối + H2O**

6HCl + Fe2O3 -> 2FeCl3 + 3H2O

**5. Axit + Muối -> Muốims + Axitms** *(Mm không tan/ Am yếu hơn Abđ)*

H2SO4 + BaCl2 -> BaSO4 + 2HCl

2HCl + CaCO3 -> CaCl2 + H2O + CO2

*- Chú ý: Axit yếu có oxi được sinh ra sau phản ứng phân hủy thành H2O + OA t.ứng.*

**TINH CHẤT HÓA HỌC CỦA BAZO *- KL(OH)x***

- Bazơ tan: LiOH, KOH, NaOH, Ba(OH)2, Ca(OH)2.

- Bazo không tan: Còn lại.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **BAZO TAN** | **BAZO KHÔNG TAN** |
| **Giống** | **1. Bazo + Axit  Muối + H2O**  Ba(OH)2 + 2HCl  BaCl2 + 2H2O | |
| **Khác** | **2. Làm đổi màu chất chỉ thị:**  + Quỳ tím hóa xanh.  + Phenolphtalein không màu thành hồng.  **3. Bazotan + Oxit axit  Muối + H2O**  Ca(OH)2 + SO2 CaSO3 + H2O  **4. Bazo tan + Muối tan Bazo ms + Muối ms**  *(Đk: Bms hoặc Mms ko tan)*  CuSO4 + 2NaOH 🡪 Cu(OH)2 + Na2SO4 | **5. Bazok/ tan  OB + H2O**  Cu(OH)2  CuO + H2O.  M.xanh M.đen |

**TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA MUỐI: KL – gốc axit**

**1. Muối + Axit -> Muốims + Axitms** *(Đk: Mms không tan/ Axit yếu)*

H2SO4 + Na2SO3 → Na2SO4 + SO2 + H2O

HCl + AgNO3 → AgCl + HNO3.

**2. Muốitan + Bazotan -> Muốims + Bazoms** *(Đk: Mms không tan/ Bms không tan)*

CuSO4 + 2NaOH → Na2SO4 + Cu(OH)2

**3. Muốitan + Kim loại-> Muốims + Kim loạims**

*(Đk: Từ Mg trở đi KL đứng trước đẩy KL đứng sau ra khỏi dd Muối)*

Mg + FeSO4  🡪 MgSO4 + Fe

**4. Muốitan + Muốitan -> Muốims + Muốims** *(Đk: Có ít nhất 1 Mms không tan)*

KCl + AgNO3 → AgCl + KNO3.

**5. Một số bị phân hủy bởi nhiệt:** 

**TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA KIM LOẠI**

**1. Kim loại(trước H) + dd Axit 🡪 Muối + H2**

Mg + 2HCl  MgCl2 + H2

**2. Kim loại+Muốitan 🡪 Kim loạims** + **Muốims**

*(Đk: Từ Mg trở đi KL đứng trước đẩy KL đứng sau ra khỏi dd Muối)*

Mg + FeSO4  🡪 MgSO4 + Fe

**3. Kim loại + Phi kim** **Oxit/ Muối**

3Fe + 2O2  Fe3O4 ; Fe + S  FeS

\* **Chú ý: Al + dd kiềm 🡪 Khí hidro:** 2Al + 2NaOH + 2H2O 🡪 2NaAlO2 + 3H2

**TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA PHI KIM**

**1. Phi kim+ Kim loại**  **Oxit/ Muối**

3Fe + 2O2  Fe3O4

Fe + S  FeS

**2. Phi kim + H2  Hợp chất khí**

2H2 + O2  2H2O

**3. Phi kim + O2  Oxit axit**

S + O2  **** SO2

**\* Chú ý: Clo:**



**CÁC DẠNG BÀI TÍNH THEO PTHH**

**CÁC CÔNG THỨC:**



**Dạng 1 – Dạng cơ bản. Biết số mol của một chất**

B1. Đổi số liệu 🡪 số mol.

B2. Viết PTHH.

B3. Thiết lập tỉ lệ mol.

B4. Tính toán theo yêu cầu của đề bài.

**Dạng 2 – Dạng toán dư, thừa. Biết số mol của 2 chất tham gia pư.**

B1. Đổi số liệu 🡪 số mol.

B2. Viết PTHH.

B3. Thiết lập tỉ lệ mol theo phương pháp 4 dòng (TPT, TPƯ, PƯ, SPƯ).

- Chú ý: Tính theo chất hết. Cách xác định chất hết:

Giả sử có phản ứng hóa học: aA + bB ------- > cC + dD. Cho nA và nB

* = => A và B là 2 chất phản ứng hết (vừa đủ)
* > => Sau phản ứng thì A còn dư và B đã phản ứng hết
* < => Sau phản ứng thì A phản ứng hết và B còn dư

**Dạng 3. Tính thành phần phần trăm theo khooid lượng của mỗi nguyên tố trong hợp chất có dạng AxBy.**

Áp dụng công thức: 

Hoặc %mB = 100% - %mA

**Dạng 4. Hỗn hợp 2 chất + 1 chất:**

Sơ đồ phản ứng: 

B1. Gọi:



B2. Viết 2 PTHH.

B3. Thiết lập tỉ lệ mol theo x, y.

B4. Dựa vào dữ liệu đề bài và 2 PTHH lập phương trình (2) với 2 ẩn x, y.

B5. Từ (1), (2) -> x, y vàtính toán theo yêu cầu của đề bài.

**Dạng 5. Tăng, giảm khối lượng kim loại.**

B1. Gọi nkim loại pư = x mol.

B2. Viết PTHH.

B3. Thiết lập tỉ lệ mol theo x.

B4. Áp dụng 1 trong 2 công thức sau để tìm x:



B5. Tính toán theo yêu cầu của đề bài.

**Dạng 6. Xác định kim loại.**

B1. Gọi kim loại, hóa trị cần tìm (nếu có)

*- Chú ý: Hóa trị của kim loại thường là I, II, III.*

B2. Đổi số liệu 🡪 số mol

B3. Viết PTHH

B4. Thiết lập tỉ lệ mol

B5. Dựa vào qui tắc “Nhân chéo, chia ngang” lập phương trình chứa ẩn và giải.

**Dạng 7. CO2** **+ dd kiềm **

CO2 + 2NaOH 🡪 Na2CO3 + H2O (1) ; CO2 + NaOH 🡪 NaHCO3 (2)

Phương pháp: Tính tỉ lệ 

 🡪 Muối Na2CO3 🡪 Tính theo CO2.

 🡪 Muối NaHCO3 🡪 Tính theo NaOH.

 🡪 2 muối 🡪 Gọi 

**BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

*Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:*

*H=1; C=12; N=14; O=16; Na = 23; Mg=24; Al=27; Si=28; P=31; S=32; Cl=35,5; K=39; Ca=40; Mn=55; Fe=56; Cu=64; Zn=65; Br=80; Ag=108; Ba=137; Pb=207.*

Câu 1. Sắt (III) clorua có công thức hóa học là:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. FeCl3 | 1. FeBr2 |
| 1. FeCl2 | 1. FeBr3 |

Câu 2. Số thứ tự ô nguyên tố trong bảng tuần hoàn bằng:

A. Số khối B. Số hiệu nguyên tử

C. Số nơtron D. Khối lượng nguyên tử

Câu 3. Trong các hợp chất hữu cơ sau đây, hợp chất hữu cơ nào thuộc loại hidrocacbon?

A. CH4O B. CH3Cl. C. C2H6ONa D.C2H4

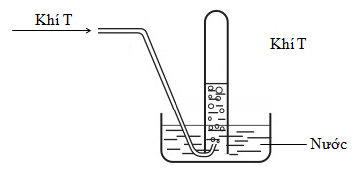
Câu 4. Nguyên liệu sản xuất nhôm là quặng:

A. Bôxit B. Hematit C. Manhetit D. Pirit.

Câu 5. Thép là hợp kim của sắt với cacbon và một số nguyên tố khác trong đó hàm lượng cacbon chiếm

A. Trên 5% B. Từ 2% đến 5% C. Dưới 2% D. Trên 2%

Câu 6. Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm



Cho dãy các chất khí NH3, H2, O2, CO, Cl2. Số chất khí phù hợp với T là:

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 7. Dãy các chất sau chỉ gồm oxit bazơ là

A. P2­O­5­­, Na2O, Fe2O3. B. Na2O, ­CO­2­, K2O

C. Cu­­O, Fe2O3, SO­2 D. CuO, Fe2­O3­, K2O.

Câu 8. Bột canxi cacbonat tan trong dung dịch nào sau đây:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. HCl | 1. NaOH |
| 1. KNO3 | 1. NaCl |

Câu 9. Tên thông thường của CaO là

A. Đá vôi. B. Nước vôi trong C. Thạch cao. D. Vôi sống.

Câu 10. Dẫn V lít khí CO (đktc) vừa đủ qua bột đồng (II) oxit nung ở nhiệt độ cao. Dẫn sản phẩm khí đi qua dung dịch Ca(OH)2 dư thu được 2 gam kết tủa. Giá trị của V là

A. 0,896. B. 0,672. C. 0,448. D. 0,224.

Câu 11. Muối nào sau đây không bị nhiệt phân hủy:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. CaCO3 | 1. Na2CO3 |
| 1. KNO3 | 1. KClO3 |

Câu 12. Cho 500ml dung dịch NaOH 1M tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch H2SO4 2M, thu được dung dịch chỉ có muối trung hòa. Giá trị của V là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. 250 | B. 400 |
| C. 500 | D. 125 |

Câu 13. Biện pháp nào sau đây làm kim loại bị ăn mòn nhanh ?

A. Ngâm kim loại trong nước muối một thời gian.

B. Để đồ vật nơi khô ráo, thoáng mát.

C. Sơn, mạ lên bề mặt kim loại.

D. Bôi dầu, mỡ lên bề mặt kim loại.

Câu 14. Hoà tan 1,02g một kim loại hoá trị (II) bằng 600ml dung dịch axit HCl 0,2M. Dung dịch thu được có tính axit và muốn trung hoà phải dùng 70ml dung dịch NaOH 0,5M. Xác định kim loại hoá trị (II) đem phản ứng.

A. Mg B. Cu C. Fe D. Zn

Câu 15. Cho những chất sau CuO, Ba(OH)2, Zn, Cu, NaOH, Fe. Số chất tác dụng với HCl sinh ra chất khí là

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 16. Dung dịch nào sau đây phản ứng với sắt nguyên chất

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Cu(NO3)2 | 1. H2SO4 đặc nguội |
| 1. MgCl2 | 1. FeSO4 |

Câu 17. Các dạng thù hình của cacbon là

A. than chì, kim cương, canxi cacbonat.

B. than chì, cacbon vô định hình, vôi sống.

C. cacbon vô định hình, kim cương, canxi cacbonat.

D. kim cương, than chì, cacbon vô định hình

Câu 18. Tính chất nào sau đây là của khí clo ?

A. Tác dụng với nước tạo thành axit clorơ (HClO2).

B. Tác dụng với oxi tạo thành oxit.

C. Có tính tẩy màu trong không khí ẩm.

D. Tác dụng với nước tạo thành dung dịch bazơ.

Câu 19. Lưu huỳnh tác dụng với chất nào sau đây tạo thành muối:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Sắt | 1. Oxi |
| 1. Hidro | 1. Flo |

Câu 20. Khí nào sau đây có màu vàng lục:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Hidro | 1. Clo |
| 1. Cacbon đioxit | 1. Oxi |

Câu 21. Cho một lá Fe vào dung dịch CuSO4, sau một thời gian lấy lá sắt ra, khối lượng dung dịch thay đổi như thế nào?

A. Tăng gấp đôi so với ban đầu

B. Tăng so với ban đầu

C. Giảm so với ban đầu

D. Không tăng , không giảm so với ban đầu

Câu 22. Cho Na2O vào dung dịch muối X, thu được kết tủa màu trắng. Muối X là chất nào sau đây:

|  |  |
| --- | --- |
| A. NaCl | B. FeCl3 |
| C. CuCl2 | D. MgCl2 |

Câu 23. Cho 0,6 gam bột Mg tác dụng với 100ml dung dịch chứa AgNO3 0,2M và Cu(NO3)2 0,25M, khuấy đều, khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. 1,60 | B. 3,12 |
| C. 3,24 | D. 6,40 |

Câu 24. Để hòa tan hoàn toàn 2,4 gam một oxit của kim loại M (hóa trị II) cần dùng vừa đủ 100ml dung dịch H2SO4 0,6M, sau phản ứng thu được dung dịch chứa muối MSO4 tương ứng. Công thức của oxit kim loại đã dùng là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. MgO | B. CaO |
| C. CuO | D. BaO |

Câu 25. Dãy kim loại được sắp xếp theo chiều hoạt động hóa học tăng dần:

A. K , Al , Mg , Cu , Fe.

B. Cu , Fe , Al , K , Mg.

C. K , Cu , Al , Mg , Fe.

D. Cu , Fe , Al , Mg , K.

Câu 26. Phát biểu nào sau đây là sai:

1. Kim loại Ag có phản ứng với dung dịch H2SO4 loãng
2. Kim loại Al có phản ứng với dung dịch NaC
3. Kim loại Na phản ứng mạnh với nươcs
4. Kim loại Cu không tan trong nước ở nhiệt độ thường

Câu 27. NaOH có thể tác dụng với chất nào sau đây?

A. BaCl2 B. HCl C. K2SO4 D. KNO3

Câu 28. Dãy gồm các nguyên tố phi kim là

A. K, N, P, Si B. Cl, C, P, S. C. P, S, Si, Ca. D. C, S, O, Fe.

Câu 29. Nhiệt phân hoàn toàn 19,6g Cu(OH)2 thu được một chất rắn màu đen, dùng khí H2 dư khử chất rắn màu đen đó thu được một chất rắn màu đỏ có khối lượng là

A. 12,8 g B. 9,6 g C. 6,4 g D. 16 g

Câu 30. Trong các chất sau đây chất nào chứa hàm lượng sắt nhiều nhất?

A. Fe3O4 B. FeO C. FeS2 D. Fe2O3

Câu 31. Kim loại nhôm có độ dẫn điện tốt hơn kim loại:

A. Cu, Ag B. Ag C. Fe, Cu D. Fe

Câu 32. Phân ure CO(NH2)2 thuộc loại:

A. Phân lân B. Phân bón kép C. Phân kali D. Phân đạm

Câu 33. Axit nào sau đây là axit yếu

A. H2SO4 B. HCl C. HNO3 D. H2CO3

Câu 34. Clo là chất khí có màu

A. vàng lục. B. trắng xanh. C. lục nhạt. D. nâu đỏ.

Câu 35. Tính phi kim của các halogen giảm dần theo thứ tự:

A. I, Br, Cl, F B. F, Br, Cl, I C. F, I, Cl, Br D. F, Cl, Br, I

Câu 36. Dãy oxit phản ứng với cacbon ở nhiệt độ cao tạo thành đơn chất kim loại là

A. Na2O, ZnO, Fe3O4. B. Fe2O3, PbO, Al2O3.

C. CuO, CaO, Fe2O3. D. PbO, CuO, ZnO.

Câu 37. Cho 2,06 gam hỗn hợp X gồm MgO và MgCO3 tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được 336ml (đktc) khí CO2. Thành phần phần trăm theo khối lượng của MgO và MgCO3 trong X lần lượt là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. 38,83% và 61,17% | B. 29,13% và 70,87% |
| C. 70,8% và 29,13% | D. 61,17% và 38,83% |

Câu 38. Người ta thể phân biệt dung dịch Ca(OH)2 với dung dịch CaCl2 bằng cách sử dụng

A. Dung dịch Phenolphtalein B. Dung dịch HCl

C. Dung dịch H2SO4 D. Dung dịch NaOH

Câu 39. Cho một lá đồng ( dư ) vào 100ml dung dịch AgNO3 nồng độ x mol/l. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng lá đồng tăng thêm 1,52 gam so với ban đầu. Giả thiết toàn bộ lượng Ag tạo ra bám hết vào lá đồng. Giá trị của x là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. 0,2 | B. 0,3 |
| C. 0,4 | D. 0,5 |

Câu 40. Để dạp tắt xăng dầu cháy người ta làm như sau:

A. phủ cát vào ngọn lửa. B. chất gỗ lên ngọn lửa.

C. phun nước vào ngọn lửa. D. phun cồn vào ngọn lửa

**MÔN SINH**

**BÀI TẬP SINH HỌC 9 TỪ 9.3 – 15.3**

**A. Ôn tập kiến thức:**

1. Các phép lai của Menđen.

2. Cấu tạo NST, nguyên phân, giảm phân, quá trình phát sinh giao tử.

3. ADN, ARN, Protein.

4. Đột biến NST, đột biến gen, thường biến.

**B. Bài tập:**

**I. Bài tập trắc nghiệm:**

***Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau:***

1.Những đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể được gọi là:

A.Tính trạng B. Kiểu hình C. Kiểu gen D. Kiểu hình và kiểu gen

2. Kết quả lai 1 cặp tính trạng trong thí nghiệm của Menđen cho tỉ lệ kiểu hình ở F2 là

A. 1 trội : 1 lặn. B. 2 trội : 1 lặn.

C. 3 trội : 1 lặn. D. 4 trội : 1 lặn.

3.Điều kiện nghiệm đúng đặc trưng của quy luật phân ly độc lập?

A. Số lượng cá thể ở các thế hệ lai phải đủ lớn để số liệu thống kê được chính xác.

B. Các giao tử và các hợp tử có sức sống như nhau. Sự biểu hiện hoàn toàn của tính trạng.

C. Mỗi cặp gen nằm trên một cặp NST tương đồng.

D. Sự phân li NST như nhau khi tạo giao tử và sự kết hợp ngẫu nhiên của các kiểu giao tử khi thụ tinh.

4. Nếu cho lai phân tích cơ thể mang tính trội thuần chủng thì kết quả về kiểu hình ở con lai phân tích là:

A. Chỉ có 1 kiểu hình B. Có 2 kiểu hình

C. Có 3 kiểu hình D. Có 4 kiểu hình

5. Ở đậu Hà Lan, hạt vàng trội hoàn toàn so với hạt xanh. Cho giao phấn giữa cây hạt vàng thuần chủng với cây hạt xanh, kiểu hình ở cây F1 sẽ như thế nào?

A. 100% hạt vàng. B. 1 hạt vàng : 3 hạt xanh.

C. 3 hạt vàng : 1 hạt xanh. D. 1 hạt vàng : 1 hạt xanh.

6. Ở cà chua, gen A quy định thân đỏ thẫm, gen a quy định thân xanh lục. Kết quả của một phép lai như sau: thân đỏ thẫm x thân đỏ thẫm → F1: 75% đỏ thẫm : 25% màu lục. Kiểu gen của bố mẹ trong công thức lai trên như thế nào?

A. AA x AA. B. AA x Aa. C. Aa x Aa. D. Aa x aa.

7. Loại tế bào nào sau đây không có cặp NST tương đồng?

A. Tế nào sinh dưỡng của ong đực B. Hợp tử.

C. Tế bào sinh dục chín D. Tế bào sinh dục sơ khai

8. Một khả năng của NST đóng vai trò rất quan trọng trong sự di truyền là:

A. Biến đổi hình dạng B. Tự nhân đôi

C. Trao đổi chất D. Co, duỗi trong phân bào

9. 2 tế bào sinh dưỡng thực hiện nguyên phân liên tiếp 2 lần, tổng số tế bào con thu được là:

A. 4 B. 6 C. 8 D. 16

10. Có 3 tế bào sinh trứng tham gia giảm phân số thể định hướng đã tiêu biến là

A. 12. B. 3. C. 9. D. 1.

11.Đơn phân cấu tạo nên protêin là:

A. Ribonucleotit B. Nucleotit

C. Polinucleotit D. Axit amin

12.Nguyên tắc bổ sung được thể hiện trong quá trình tự nhân đôi của phân tử ADN là:

A. A liên kết với T; G liên kết với X B. A liên kết với G; X liên kết với T

C. A liên kết với U; G liên kết với X D. A liên kết với X; G liên kết với T

13. Các nguyên tố hoá học tham gia trong thành phần của phân tử ADN là:

A. C, H, O, Na, S B. C, H, O, N, P C. C, H, O, P D. C, H, N, P, Mg

14. Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự sắp xếp như sau:

– A – G – X – T – A – X – G – T –

Đoạn mạch đơn bổ sung với nó có trình tự như thế nào?

A. – U – X – G– A – U – G – X – A –

B. – A – G – X – T – A – X – G – T –

C. – T – X – G– A – T – G – X – A –

D. – T – X – G– U – T – G – X – U–

15.Các đột biến gen lặn chỉ biểu hiện ra kiểu hình khi ở thể:

A. Thể đồng hợp. B. Thể dị hợp.

C. Thể đột biến. D. Thể đồng hợp và thể dị hợp.

16.Cà độc dược có bộ nhiễm sắc thể 2n = 24. Vậy thể (2n - 1) cây cà có số lượng nhiễm sắc thể là:

A. 22 B. 23 C. 24 D. 25

17.Quan sát trường hợp minh họa sau đây và hãy xác định đột biến này thuộc dạng nào?

ABCDEFGHH —> ABCDEFG

A. Mất đoạn nhiễm sắc thể B. Đảo đoạn nhiễm sắc thể

C. Lặp đoạn nhiễm sắc thể D. Chuyển đoạn nhiễm sắc thể

18.Ở người, sự tăng thêm 1 nhiễm sắc thể ở cặp nhiễm sắc thể nào sau đây sẽ gây ra bệnh Đao:

A. Cặp nhiễm sắc thể số 12 B. Cặp nhiễm sắc thể số 21

C. Cặp nhiễm sắc thể số 22 D. Cặp nhiễm sắc thể số 23

19.Người ta muốn tạo ra thể tứ bội 4n bằng dung dịch Cônsixin. Loài nào sau đây gây đa bội không thành công?

A. Lúa B. Bắp cải C. Cá chép D. Bò

20. Chiều xoắn của phân tử ADN là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chiều từ trái sang phải  B. Chiều từ phải qua trái | C. Cùng với chiều di chuyển của kim đồng hồ  D. Xoắn theo mọi chiều khác nhau |

21 Cơ thể đa bội có thể được phát hiện bằng phương pháp nào dưới đây là chính xác nhất ?

A. Quan sát kiểu hình B. Đánh giá khả nặng sinh sản

C. Thời gian sinh trưởng của cây kéo dài D.Quan sát và đếm số lượng NST trong tế bào

22. Số vòng xoắn trong một phân tử ADN là 100 000 vòng. Phân tử ADN này 400 000 G. số lượng của các loại nucỉêôtit trong phân tử ADN này là:

1. G=X= 300 000, A = T = 700 000 B. G= X= 400 000, A = T = 600 000

C. G= X = 500 000, A = T = 500 000 D. G= X = 600 000, A = T = 400 000

23. Phân tử ADN có số nucleotit loại A là 20%. Vậy trường hợp nào sau đây là đúng ?

1. %A + %G = 60% B. %A + %T = 50%

C. %X= %G = 80% D. %G = %X = 30%

24. Nếu gọi X là số lần nhân đôi của một gen, thì số gen con được tạo ra sau khi kết thúc quá trình tự nhân đôi bằng:

A.2x B.2X C.x/2 D.2/X

25. Cấu trúc dưới đây tham gia cấu tạo ribôxôm là:

A. mARN B. tARN C. rARN D. ADN

26. Sự tổng hợp ARN xảy ra trong nguyên phân, vào giai đoạn:

A. kì trước B. kì trung gian C. kì sau D. kì giữa

27. Đặc điểm khác biệt của ARN so với phân tử ADN là:

A. Đại phân tử B. Có cấu tạo theo nguyên tắc đa phân

C. Chỉ có cấu trúc một mạch D. Được tạo từ 4 loại đơn phân

28. Loại nuclêôtit có ở ARN và không có ở ADN là:

A. Ađênin B. Timin C. Uraxin D. Guanin

29. Một gen có chiều dài 3570 Å. Hãy tính số chu kì xoắn của gen.

A. 210 B. 119 C. 105 D. 238

*30.* Trường hợp bộ nhiễm sắc thể bị thừa hoặc thiếu 1 nhiễm sắc thể thuộc loại đột biến nào?

A. Dị bội B. Đa bội C. Thể 1 nhiễm D. Thể 3 nhiểm

*31.*  Thường biến có ý nghĩa:

A.Biến đổi cá thể B.Giúp sinh vật thích nghi với môi trường

C. Di truyền cho đời sau D.Bị ảnh hưởng không đáng kể của môi trường

32. Điều đúng khi nói về sự giảm phân ở tế bào là:

A. NST nhân đôi 1 lần và phân bào 2 lần B. NST nhân đôi 2 lần và phân bào 1 lần

C. NST nhân đôi 2 lần và phân bào 2 lần D. NST nhân đôi 1 lần và phân bào 1 lần

33. Ở cà chua 2n=24. Số NST có trong một tế bào của thể một khi đang ở kỳ sau của nguyên phân là:

A. 12. B. 24. C. 28. D. 48.

34. Ở ruồi giấm 2n=8. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của nguyên phân. Số NST trong tế bào đó bằng bao nhiêu trong các trường hợp sau?

A. 4 B. 8 C. 16 D. 32

35. Một hợp tử loài ngô có 2n = 20 đã nguyên phân số đợt liên tiếp. Tại một thời điểm, người ta đếm được 1280 crômatit trong các tế bào đang ở kì giữa của nguyên phân. Hợp tử đó đã trải qua bao nhiêu lần nguyên phân để tạo ra nhóm tế bào trên?

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

36. Ở một nhóm tê bào mầm sinh dục của ruồi giấm 2n = 8 đang tiến hành giảm phân tạo ra các giao tử chứa 64 NST. Nếu các tế bào trên là tế bào mầm sinh dục đực, có bao nhiêu tế bào tiến hành giảm phân?

A. 4 B. 8 C. 16 D. 3

37. Dạng đột biến nào sau đây *không làm thay đổi* kích thước nhiễm sắc thể nhưng *làm thay đổi* trình tự các gen trên đó, ít ảnh hưởng đến sức sống?

1. Mất đoạn nhiễm sắc thể B. Đảo đoạn nhiễm sắc thể

C. Lặp đoạn nhiễm sắc thể C. Chuyển đoạn nhiễm sắc thể

38. Trong tế bào sinh dưỡng, thể 3 nhiễm (2n +1) của người có số lượng nhiễm sắc thể là:

A. 24 B. 3 C. 47 D. 49

39. Một đoạn ADN có 300 nucleotit, sau 3 lần tự nhân đôi thì có bao nhiêu nucleotit trong AND mới tạo thành?

A. 600 B. 1200 C. 1800 D. 2400

40. Một đoạn ADN có 600 nucleotit, tiến hành phiên mã sau đó dịch mã. Tính số axit amin có trong phân tử Protein được tổng hợp?

A. 600 B. 300 C. 200 D. 100

**II. Bài tập tự luận:**

**Câu 1:** Ở gà, gen D quy định lông đen, gen d quy định lông trắng. Gen M quy định chân cao, gen m quy định chân thấp. Các gen phân li độc lập với nhau. Để F1 có gà toàn lông đen, chân cao thì kiểu gen của cặp bố mẹ như thế nào?

***Câu 2:***

Ở người có bộ NST lưỡng bội 2n = 46. Có 3 tế bào sinh dưỡng của loài trải qua nguyên phân liên tiếp 4 lần. Tính số tế bào con được tạo thành và tổng số NST có trong các tế bào.

**Câu 3:** Ở ngô, bộ NST 2n = 20. Xét một tế bào của loài trải qua nguyên phân liên tiếp 6 đợt. hãy tính.

a. Số tế bào con được sinh ra

b. Số NST đơn chứa trong các tế bào con.

c. Môi trường cần phải cung cấp bao nhiêu NST đơn cho quá trình .

d. Có bao nhiêu thoi phân bào bị hủy qua cả quá trình trên ?

**Câu 4:** 1 gen có số Nu loại A = 400, G = 450.

a. Tính tổng số Nu và liên kết hóa trị, liên kết H trong gen.

b. Tính chiều dài, khối lượng gen.

c. Nếu gen đó nhân đôi 5 lần thì tạo được bao nhiêu gen con và môi trường phải cung cấp bao nhiêu Nu?

**Câu 5:** Gen B có 5600 liên kết H, biết G = 800 Nu.

a. Tính số Nu từng loại.

b. gen B tự nhân đôi 3 lần, tính số Nu mỗi loại môi trường cần cung cấp

**MÔN GDCD**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GDCD**

**( Từ ngày 9/3/2020 – 16/3/2020)**

**Năm học: 2019 – 2020**

**I. Trắc nghiệm**

***Câu 1: Hành vi nào sau đây thể hiện sự tôn trọng lẽ phải?***

A.Chấp hành tốt nội quy của nhà trường.

B.Chỉ làm những việc mà mình thích.

C.Bực tức và phê phán gay gắt người khác.

D.Không nghe lời dạy của thầy cô.

***Câu 2: Hành vi nào sau đây thể hiện tôn trọng người khác ?***

A.Đi nhẹ, nói khẽ khi vào bệnh viện.

1. Không lắng nghe ý kiến của mọi người.
2. Nói chuyện riêng trong giờ học.
3. Cười cợt, chỉ trỏ người bị khuyết tật.

***Câu 3:*** **Biểu hiện nào sau đây giữ chữ tín?**

A. Nam hứa với bố mẹ sẽ không chơi điện tử nữa và Nam đã thực hiện.

B. Các bạn hẹn 14h tập văn nghệ, nhưng 15h T mới đến.

C. Nhà máy sản xuất kem bỏ bớt lượng sữa trong kem cho đỡ tốn kém.

D. Mượn bạn truyện nhưng không trả.

***Câu 4: Ý kiến nào sau đây đúng về tình bạn trong sáng, lành mạnh ?***

1. Bạn bè phải biết bao che, bảo vệ nhau trong mọi trường hợp.

B.Tình bạn trong sáng, lành mạnh giúp con người sống tốt hơn, yêu cuộc sống hơn.

C.Tụ tập, rủ rê nhau hội hè ăn chơi không học hành.

D.Rủ nhau vi phạm nội quy nhà trường.

Câu 5: Biểu hiện nào sau đây không tôn trọng lẽ phải?

1. Công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn.
2. Biết điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình theo hướng tích cực.
3. Không chấp nhận và làm những việc sai trái.

D.Gió chiều nào che chiều ấy, cố gắng không làm mất lòng ai.

Câu 6:Nếu bạn thân em mắc khuyết điểm, em sẽ làm gì?

1. Bỏ qua khuyết điểm đó và vẫn chơi thân với bạn.
2. Xa lánh, không chơi với bạn.

C.Chỉ rõ cái sai của bạn để giúp bạn.

D.Rủ các bạn khác cùng xa lánh bạn.

Câu 7: Hành vi nào thể hiện sự tôn trọng lẽ phải ?

1. Chỉ làm những việc mình thích.
2. Tránh tham gia vào những việc không liên quan đến mình.
3. Gió chiều nào che chiều ấy, cố gắng không làm mất lòng ai.

D.Lắng nghe ý kiến mọi người nhưng sẵn sàng tranh luận với họ để tìm ra chân lý

***Câu 8: Em đồng ý với việc làm nào sau đây?***

1. Bạn Bích đến xin cô giáo nâng điểm cho mình.
2. Cán bộ kiểm lâm vì nghèo đã chặt một số gỗ để bán.
3. Chỉ làm việc khi thấy có lợi cho mình.

D. Là giám đốc, ông Tâm không bao giờ nhận quà biếu xén của mọi người.

***Câu 9: Biểu hiện nào trái với hành vi liêm khiết?***

1. Mong muốn làm giàu bằng tài năng và sức lao động của mình.
2. Không tham ô, nhận hối lộ.
3. Không làm ăn gian lận.

D.Luôn gợi ý để cấp dưới đem quà biếu tặng mình.

***Câu 10: Em đồng ý với ý kiến nào dưới đâyvề tôn trọng người khác*?**

1. Là đồng tình, ủng hộ với những việc làm sai trái của họ.
2. Là phải biết phê phán, đấu tranh với người khác.

C.Là luôn lắng nghe ý kiến của mọi người.

D.Là bắt nạt người yếu hơn mình .

***Câu 11: Em thấy ý kiến nào đúng nào tr­ước tình huống: Bố Quân hứa đến sinh nhật Quân sẽ đ­ưa Quân đi chơi công viên, nh­ưng vì phải đi công tác đột xuất nên bố không thực hiện được lời hứa của mình.***

1. Bố Quân là ngư­ời không giữ chữ tín.
2. Bố Quân không thư­ơng con.
3. Bố Quân coi trọng công viêc hơn con mình

D.Vì nhiệm vụ, bố Quân tạm gác lời h­ứa với con, chắc chắn bố Quân sẽ đền bù cho Quân vào dịp khác.

***Câu 12: Khi bạn có khuyết điểm hoặc vi phạm pháp luật, em sẽ ứng xử thế nào?***

A. Mắng nhiếc bạn . B. Xa lánh bạn.

C. Khuyên răn bạn. D. Không nói gì.

***Câu 13: Câu ca dao tục ngữ nào thể hiện giữ chữ tín?***

A.Một lần bất tín, vạn lần bất tin.

B.Quân tử nhất ngôn.

C.Treo đầu dê bán thịt chó.

D.Người sao một hẹn thì nên   
Người sao chín hẹn thì quên cả mười

***Câu 14: Cách nào không phải để rèn luyện giữ chữ tín?***

1. Cần lám tốt chức trách, nhiệm vụ.
2. Giữ đúng lời hứa.
3. Đúng hẹn trong mọi mối quan hệ.

D.Làm việc qua loa, đại khái cho đỡ mất thời gian.

Câu 15: Đặc điểm nào không phải của tình bạn trong sáng, lành mạnh?

1. Phù hợp với nhau về quan điểm sống.

B.Tụ tập, rủ rê nhau hội hè ăn chơi đàn đúm.

C.Bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.

D.Thông cảm, đồng cảm sâu sắc với nhau.

***Câu 16: Câu ca dao tục ngữ nào không thể hiện cách lựa chọn bạn để chơi?***

A.Những người lêu lỏng chơi bời   
Cũng là lười biếng ta thời tránh xa.

B.Thói thường gần mực thì đen   
Anh em bạn hữu phải nên chọn người.

 C.Chọn bạn mà chơi, chọn nơi mà ở.

D. Chim lạc bầy thương cây nhớ cội   
Xa bạn xa bè, lặn lội tìm nhau

***Câu 17: Nhận xét nào không phải ý nghĩa của tôn trọng lẽ phải?***

A.Tôn trọng mọi người ở mọi lúc , mọi nơi.

B.Mọi người có cách ứng xử phù hợp.

C.Làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội.

D.Góp phần thúc đẩy xã hội ổn định và phát triển.

***Câu 18: “ Mình đã hứa thì phải làm cho kì được, không làm được thì đừng có hứa”. Câu nói của Bác Hồ thể hiện phẩm chất gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Chí công vô tư. | B.Giữ chữ tín. |
| C.Liêm khiết. | D.Tôn trọng lẽ phải. |

***Câu 19:*** Hai nhà khoa học - Ông bà Ma-ri Quy-ri, vui lòng sống túng thiếu và sẵn sàng gửi biếu tài sản lớn nhất của mình là một gam Ra-đi ( trị giá 100.000 đô la Mĩ vào thời đó ) để chữa bệnh ung thư­ cho mọi ng­ười, đồng thời kiên quyết từ chối sự trợ cấp của Chính Phủ. Điều đó nói lên phẩm chất đạo đức gì?

A. Biết tôn trọng lẽ phải. C. Thật thà.

B. Tự tin. D.Liêm khiết.

***Câu 20: Câu ca dao, tục ngữ nào không thể hiện sự tôn trọng người khác ?***

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Kính già yêu trẻ. | 1. Yêu trẻ, trẻ đến nhà; kính già, già để tuổi cho. |
| 1. Ăn có mời, làm có khiến | D.Lá lành đùm lá rách. |

***Câu 21: Nhận xét nào không đúng với “Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác” :***

A. Tôn trọng chủ quyền, lợi ích và nền văn hoá của các dân tộc.

B. Luôn tìm hiểu và tiếp thu những thành tựu kinh tế văn hoá xã hội của các dân tộc.

C. Thể hiện lòng tự hào dân tộc chính đáng của mình.

D. Sao y bản chinh các phong tục nước ngoài

***Câu 22 : Nội dung nào sau đây đúng với việc học hỏi và tôn trọng các dân tộc khác?***

A. Người ta làm thế nào mình làm thế.

B. Tiếp thu học hỏi có chọn lọc, sáng tạo, phù hợp.

C. Bắt chước máy móc mù quáng .

D. Du nhập văn hóa phương Tây.

***Câu 23 : Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác sẽ đạt mục đích :***

A. Xây dựng, mở rộng tình đoàn kết hữu nghị.

B. Hợp tác giao lưu về kinh tế, văn hoá, xã hội thuận lợi dễ dàng.

C. Tranh thủ được sự giúp đỡ của các dân tộc khác.

D. Đưa nước ta tiến nhanh trên con đường xây dựng đất nước giàu mạnh và phát triển bản sắc dân tộc.

***Câu 24: Trong các di sản dưới đây di sản nào chưa được công nhận là di sản văn hoá thế giới ?***

A. Vịnh Hạ Long B.Cố đô Huế C. Thánh địa Mĩ Sơn D.Đền Ngọc Sơn

***Câu 25: Em đồng ý với việc làm nào sau đây?***

A. Mặc kiểu quần áo của các ngôi sao điện ảnh.

B. Tìm hiểu phong tục tập quán các nước trên thế giới.

C. Chỉ dùng hàng ngoại, chê hàng nội

D. Chỉ tôn trọng và học hỏi một số nước tiên tiến.

***Câu 26: Để thể hiện tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác, người học sinh cần tránhđiều gì sau đây :***

A. Học tốt ngoại ngữ.

B. Tích cực tìm hiểu phong tục tập quán của các nước trên thế giới.

C. Học hỏi công nghệ sản xuất hiện đại để ứng dụng vào Việt Nam.

D. Học hỏi vận dụng sao chép nguyên mẫu

***Câu 27: Xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư cần tránh:***

A. Xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần lành mạnh phong phú ...

B. Bảo vệ cảnh quan môi trường sạch đẹp.

C. Xây dựng tình đoàn kết xóm giềng...

D. Xây dưng tình cảm cục bộ theo lối dòng họ .

***Câu 28: Những ai cần góp phần xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư ?***

A. Tổ trưởng dân phố . B. Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên.

C. Mỗi công dân trong cộng đồng. D. Một số người trong gia đình.

***Câu 29: Biểu hiện nào sau đây của người học sinh góp phần xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư ?***

A. Nghe và tuyên truyền tin đồn nhảm. B. Tụ tập đánh bạc.

C. Tham gia vệ sinh môi trường. D. Hút, hít thử chất ma tuý.

***Câu 30: Biểu hiện nào sau đây chưa thể hiện góp phần xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư ?***

A. Mở đài to trong giờ nghỉ của mọi người.

B. Đi nhẹ, nói khẽ khi mọi người đang ngủ.

C. Không nói tục, chửi bậy.

D.Vứt rác đúng nơi quy định, đúng giờ.

***Câu 31: Có người nói: Để xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư, trước tiên cần phải xây dựng gia đình văn hoá . Theo em :***

A. Không đúng. B. Rất đúng. C. Không cần thiết. D. Vừa sai, vừa đúng.

***Câu 32: Học sinh cần tránhviệc gì để xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư?***

A. Tham gia các hoạt động chính trị xã hội ở cộng đồng.

B. Vận động gia đình thực hiện các quy ước của cộng đồng.

C. Bản thân không làm các điều xấu ở mọi nơi, mọi lúc.

D. Tụ tập chơi bời, chích hút ma tuý....

***Câu 33: Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây?***

A. Chỉ có con nhà nghèo mới cần tự lập.

B. Không thể thành công nếu chỉ tự lập.

C. Những thành công do nhờ vào sự nâng đỡ bao che của người khác thì rất bền vững.

D. Tự lập trong cuộc sống không có nghĩa là không được tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ chính đáng của những người tin cậy khi khó khăn.

***Câu 34: Trong giờ kiểm tra Toán, khi gặp bài toán khó, bạn Nam đã không chịu suy nghĩ mà chờ bạn Minh giải xong rồi chép. Việc làm đó chứng tỏ bạn Nam là người:***

A. Tự lập. B. Không tự lập.

C. Không dựa dẫm. D. Không phụ thuộc.

***Câu 35: Trong các biểu hiện sau, biểu hiện nào thể hiện tính tự lập?***

A. Thường xuyên nhờ bạn giải bài tập.

B. Luôn dậy sớm và tự chuẩn bị bữa ăn sáng rồi đi học.

C. Học lớp 8 nhưng luôn chờ mẹ đưa đón đi học.

D. Luôn nhờ bạn sách cặp hộ.

**II. Bài tập**

**Bài tập 1:**

Theo em, vì sao chúng ta phải phòng, chống nhiễm HIV/ AIDS? Theo em, HIV/AIDS lây nhiễm qua những con đường nào, chỉ ra các cách phòng tránh? Để phòng, chống nhiễm HIV/AIDS pháp luật nước ta có quy định như thế nào? Em hãy nêu các biện pháp phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS?

**Bài tập 2:**

Nhà nước ta từ khi ra đời đến nay ( tính đến năm 2016) đã ban hành mấy bản hiến pháp? Đó là những bản hiến pháp nào? Nêu ý nghĩa của từng bản hiến pháp?

**Bài tập 3:**

Tệ nạn xã hội là gì? Nêu tác hại của tệ nạn xã hội?

Cho tình huống: Bố L bị nhiễm HIV, L lo lắng và thương bố nên việc học tập ngày càng giảm sút. M rủ H đến động viên giúp đỡ gia đình L nhưng H bảo: *Tất cả những người nhiễm HIV đều có lối sống buông thả, tham gia các tệ nạn xã hội. Nếu chúng mình gần gũi với họ thì sẽ gây nhiễm và ảnh hưởng đạo đức.*Em có đồng ý với ý kiến của bạn H trong tình huống trên không?Vì sao?

**MÔN ĐỊA LÝ**

**BÀI 22: THỰC HÀNH: VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC ĐẦU NGƯỜI**

***Câu 1. Dân số của ĐBSH không có đặc điểm nào sau đây?***

A. Đông, tăng nhanh.

B. Mật độ dân số cao nhất cả nước

C. Cơ cấu dân số trẻ.

D. Dân số sống chủ yếu ở nông thôn.

***Câu 2. Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm bình quân lương thực theo đầu người của ĐBSH***

A. Cao hơn trung bình cả nước.

B. Tăng nhanh, liên tục.

C. Cao hơn ĐBSCL.

D. Thấp và có xu hướng giảm.

***Câu 3. Sản lượng lương thực của ĐBSH tăng chậm nguyên nhân chủ yếu là do***

A. diện tích giảm.

B. năng suất giảm.

C. dân số đông.

D. sâu bệnh phá hoại.

***Câu 4. Khó khăn nào sau đây gây trở ngại lớn nhất đến sản xuất lương thực DBSH hiện nay?***

A. Diện tích đất canh tác giảm.

B. Thiên tai thường xảy ra.

C. Ô nhiễm môi trường.

D. Dân số quá đông.

***Câu 5. Cây lương thực quan trọng nhất trong vụ đông ở ĐBSH là***

A. Ngô

B. Khoai

C. Sắn

D. Lúa.

**BÀI 23: VÙNG BẮC TRUNG BỘ**

***Câu 1. Bắc Trung Bộ không giáp với vùng nào sau đây?***

A. ĐBSH.

B. TD&MN Bắc Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. DHNTB.

***Câu 2. Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ với vùng ĐBSH và DHNTB lần lượt là***

A. dãy núi Tam Điệp và Bạch Mã.

B. dãy núi Tam Điệp và đèo Ngang.

C. sông Cả và dãy núi Bjach Mã.

D. sông Mã và sông Bến Hải.

***Câu 3. Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?***

A. Thanh Hóa.

B. Nghệ An.

C. Thừa Thiên – Huế.

D. Quảng Ngãi.

***Câu 4. Các dạng địa hình từ tây sang đông của các tỉnh ở Bắc Trung Bộ là***

A. đồng bằng, gò đồi, núi, biển, hải đảo.

B. núi, gò đồi, đồng bằng, biển, hải đảo.

C. biển, hải đảo, đồng bằng, núi, gò đồi.

D. biển, hải đỏa, gò đồi, đồng bằng, núi.

***Câu 5. Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là***

A. cơ sở hạ tầng thấp kém.

B. Mật độ dân cư thấp.

C. tài nguyên hạn chế.

D. thiên tai thường xảy ra.

***Câu 6. Đất ở các đồng bằng của vùng Bắc Trung Bộ không thuận lợi chi việc phát triển loại cây trồng nào sau đây?***

A. Lúa.

B. Mía.

C. Lạc.

D. Thuốc lá.

***Câu 7. Thiên tai nào sau đây không thường xuyên xảy ra ở Bắc Trung Bộ?***

A. Hạn hán.

B. Bão lũ.

C. Triều cường.

D. Động đất.

***Câu 8. Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có đặc điểm là***

A. không đều rõ rệt theo hướng từ Bắc xuống Nam.

B. không đều rõ rệt theo hướng từ Tây sang Đông.

C. dân cư chủ yếu tập trung ở thành thị.

D. dân cư thưa thớt ở phía đông.

***Câu 9. Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía tây của vùng Bắc Trung Bộ là***

A. nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, chắn nuôi trâu bò đàn.

B. nuôi trồng thủy sản, sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm.

C. trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản.

D. sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch.

***Câu 10. Di sản văn hóa thế giới ở vùng Bắc Trung Bộ đã được UNESCO công nhận là***

A. Phong Nha – Kẻ Bàng.

B. Cố đô Huế.

C. Phố cổ Hội An.

D. Di tích Mĩ Sơn.

**BÀI 24: VÙNG BẮC TRUNG BỘ *( Tiếp theo)***

***Câu 1. Khu vực sản xuất lúa chủ yếu ở Bắc Trung Bộ là dải đồng bằng ven biển của các tỉnh nào sau đây?***

A. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

B. Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế.

C. Nghệ An – Hà Tĩnh – Quảng Bình

D. Hà Tĩnh – Quảng Bình – Quảng Trị.

***Câu 2. Các loại cây được trồng với diện tích khá lớn tại vùng đất cát pha duyên hải Bắc Trung Bộ là***

A. lúa và hoa màu.

B. cao su và cà phê.

C. lạc và vừng.

D. lạc và thuốc lá

***Câu 3. Thế mạnh trong việc phát triển ngành trồng trọt ở vùng gò đồi phía Tây của vùng Bắc Trung Bộ là***

A. cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm.

B. cây công nghiệp hàng năm và lúa.

C. cây công nghiệp lâu năm và hoa màu.

D. cây ăn quả và cây công nghiệp hàng năm

***Câu 4. Dựa vào Atlat Địa Lí Việt Nma trang 27, cho biết cây cà phê được trồng ở những tỉnh nào sau đây của Bắc Trung Bộ?***

A. Thanh Hóa, Nghệ An.

B. Nghệ An, Quảng Trị.

C. Quảng Bình, Quảng Trị.

D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

***Câu 5. Việc trồng rừng ở Bắc Trung Bộ không thể hiện rõ vai trò nào sau đây?***

A. Phòng chống lũ quét.

B. Phục vụ du lịch.

C. Hạn chế cát bay.

D. Giảm cường độ lũ.

***Câu 6. Những ngành công nghiệp quan trọng hàng đầu của Bắc Trung Bộ là***

A. khai khoáng và chế biến hải sản.

B. khai khoáng và sản xuất hàng tiêu dùng.

C. sản xuất vật liệu xây dựng và khai khoáng.

D. sản xuất vật liệu xây dựng và cơ khí.

***Câu 7. Dựa vào Atlat Địa Lí Việt Nam trang 27, cho biết crôm được khai thác ở tỉnh nào sau đây?***

A. Thanh Hóa.

B. Nghệ An.

C. Hà Tĩnh.

D. Quảng Bình.

***Câu 8. Ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng dược phát triển mạnh và có quy mô lớn ở Bắc Trung Bộ là***

A. sản xuất gạch ngói.

B. khai thác cát thủy tinh.

C. sản xuất xi măng.

D. khai thác đá vôi.

**Câu 9.** Các trung tâm công nghiệp lớn nhất của Bắc Trung Bộ hiện nay là

A. Bỉm Sơn, Thanh Hóa, Vinh, Huế.

B. Thanh Hóa, Vinh, Huế, Đà Nẵng.

C. Thanh Hóa, Vinh, Đồng Hới, Huế.

D. Thanh Hóa, Bỉm Sơn, Vinh, Đà Nẵng

**Câu 10.** Các địa điểm du lịch nổi tiếng *không thuộc* Bắc Trung Bộ là

A. Sầm Sơn, Thiên Cầm.

B. Vân Phong, Non Nước.

C. Nhật Lệ, Lăng Cô.

D. Cố đô Huế, Phong Nha – Kẻ Bàng.

***Câu 11. Hạt nhân để hình thành trung tâm công nghiệp và dịch vụ của cả vùng Bắc Trung Bộ là thành phố nào sau đây?***

A. Thanh Hóa.

B. Huế.

C. Đà Nẵng.

D. Vinh.

***Câu 12. Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc tỉnh nào sau đây?***

A. Quảng Bình

B. Quảng Nam.

C. Quảng Ngãi.

D. Quảng Trị.

**BÀI 25: VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

***Câu 1: Các tỉnh/ thành phố nào sau đây không thuộc vùng DHNTB?***

A. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi

B. Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa

C. Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Định

D. Quảng Bình, Quảng Trị, Lâm Đồng

***Câu 2: Hai quần đảo xa bờ thuộc DHNTB LÀ***

A. Trường Sa và Côn Đảo

B. Côn Đảo và Thủ Chu

C. Hoàng Sa và Trường Sa

D. Bạch Long Vĩ và Trường Sa

***Câu 3: Các đảo Lý Sơn và Phú Quý lần lượt thuộc hai tỉnh:***

A. Quảng Ngãi và Bình Thuận

B. Quảng Ngãi và Ninh Thuận

C. Quảng Nam và Khánh Hòa

D. Bình Thuận và Khánh Hòa

***Câu 4: Các vịnh biển không thuộc DHNTB là***

A. Vân Phong và Nha Trang

B. Cam Ranh và Dung Quất

C. Hạ Long và Diễn Châu

D. Quy Nhơn và Xuân Đài

***Câu 5: Nghề khai thác tổ chim yến tập trung trên một số đảo ven bờ từ tỉnh***

A. Quảng Ngãi đến tỉnh Khánh Hòa

B. Khánh Hòa đến tỉnh Bình Thuận

C. Quảng Nam đến tỉnh Khánh Hòa

D. Khánh Hòa đến tỉnh Phú Yên

***Câu 6: Một số cây công nghiệp có gia trị được trồng ở các đồng bằng hẹp Nam Trung Bộ là***

A. bông vải, mía đường

B. đậu tương, thuốc lá

C. dừa, mía đường

D. bông vải, đậu tương

***Câu 7: Ngành chăn nuôi bò đàn có điều kiện phát triển ở đâu thuộc vùng DHNTB?***

A. Ven các thành phố lớn

B. Vùng đồi núi phía tây

C. Đồng bằng ven biển

D. Vùng đất rừng chân núi

***Câu 8: Khoáng sản chính của vùng DHNTB là***

A. sắt, thiếc, titan

B. dầu khí, titan, vàng

C. cát thủy tinh, titan, vàng

D. than, vàng, cát thủy tinh

***Câu 9: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của các tỉnh cực Nam Trung Bộ là***

A. nguy cơ hoang mạc hóa

B. hiện tượng cháy rừng

C. mưa bão

D. lũ lụt

***Câu 10: Hoạt động kinh tế của khu vực đồng bằng ven biển vùng DHNTB là***

A. Chăn nuôi gia súc lớn(bò đàn), nghề rừng, trồng cây công nghiệp.

B. Công nghiệp, thương mại, du lịch, khai thác và nuôi trồng thủy sản.

C. Khai thác và nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc lớn, cây lương thực.

D. Công nghiệp, trồng lúa, cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn.

***Câu 11: Tỉnh/ thành phố nào sau đây ở DHNTB có hai di sản được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?***

A. Đà Nằng

B. Quảng Ngãi

C. Quảng Nam

D. Khánh Hòa

***Câu 12: Ngoài người Kinh, ở đồng bằng ven biển DHNTB còn có một bộ phận nhỏ dân cư thuộc dân tộc***

A. Hoa

B. Ba-na

C. Chăm

D. Khơ-me

**MÔN LỊCH SỬ**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ 9**

**( Từ ngày 9/3 – 15/3/2020)**

**Năm học: 2019 - 2020**

**I. Lý thuyết**

**Chủ đề 2: Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay**

**II. Bài tập**

**I. Tự luận**

**Vẽ sơ đồ tư duy tình hình các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay**

**(4 sơ đồ tư duy: châu Á, Đông Nam Á, châu Phi và Mĩ La-tinh)**

**II. Trắc nghiệm**

**Câu 1**. **Ngay sau khi được tin phát xít Nhật đầu hàng, những quốc gia nào đã nhanh chóng nổi dậy giành chính quyền và tuyên bố độc lập trong năm 1945?**

A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

B. Ấn Độ, Campuchia, Lào.

C. Việt Nam, Ai Cập, An-giê-ri.

D. Việt Nam, Campuchia, In-đô-nê-xi-a.

***Câu 2. Cho các dữ liệu sau****:*

*(1) cách mạng Cu ba thắng lợi.*

*(2) 17*nước châu Phi tuyên bố độc lập.

(3) Ấn Độ tuyên bố độc lập.

Em hãy sắp xếp theo đúng thứ tự thời gian về quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc trong giai đoạn đầu (năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX).

A. 1,2,3 B. 2,3,1 C. 3,1,2 D. 3,2,1

**Câu 3. Phong trào giải phóng dân tộc trong giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX đã thu được kết quả là:**

A. 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập vào năm 1960.

B. xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.

C. hệ thống thuộc địa về cơ bản sụp đổ.

D. hệ thống thuộc địa sụp đổ hoàn toàn.

**Câu 4. SGK Lịch sử 9, Nxb Giáo dục 2015, tr 14 có viết: “Nét nổi bật**

**của giai đoạn này là phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích và Ghi-nê Bít-xao nhằm lật đổ ách thống trị của Bồ Đào Nha”. Đoạn trích này đề cập đến nội dung của giai đoạn đấu tranh:**

A. từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.

B. từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

C. từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

D. từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.

**Câu 5. Nơi khởi đầu của phong trào giải phóng dân tộc từ sau CTTGII là:**

A. Nam Á.

B. Bắc Phi.

C. Đông Nam Á.

D. Mĩ La-tinh.

**Câu 6. Hình thức cuối cùng còn tồn tại của chủ nghĩa thực dân vào giai đoạn từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX là:**

A. chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.

B. chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

C. chế độ độc tài thân Mĩ.

D. chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai).

**Câu 7. Ý nào dưới đây giải thích không đúng về nguyên nhân đưa đến sự tan rã các thuộc địa Bồ Đào Nha từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX?**

A. nhân dân ba nước Ghinê Bítxao, Môdămbích, Ănggola đấu tranh vũ trang.

B. chế độ độc tài ở Bồ Đào Nha bị lật đổ.

C. chính quyền mới ở Bồ Đào Nha chấp nhận trao trả độc lập.

D. chính quyền da trắng xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.

**Câu 8. Theo em, biến đổi quan trọng nhất của châu Á từ sau chiến**

**tranh thế giới thứ hai là**

A. phần lớn các dân tộc đều giành độc lập.

B. tình hình chính trị không ổn định.

C. diễn ra những cuộc xung đột, li khai.

D. tăng trưởng kinh tế nhanh chóng.

**Câu 9. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực, Ấn Độ đã tự túc lương thực cho hơn một tỉ người nhờ:**

A. thâm canh trong nông nghiệp.

B. tăng diện tích trồng cây lương thực.

C. thực hiện “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

D. tiến hành “Cách mạng trắng” trong chăn nuôi

**Câu 10. Sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (1949) là kết quả trực tiếp của:**

A. sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Nhật.

B. cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến.

C. cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản.

D. cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân phương Tây.

**Câu 11. Tính chất của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc (1946 – 1949) đưa đến sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là:**

A. một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

B. một cuộc cách mạng vô sản.

C. một cuộc nội chiến.

D. một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

**Câu 12. Ý nghĩa quốc tế về sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là:**

A. chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc .

B. chấm dứt ách nô dịch của hàng nghìn năm phong kiến.

C. bước vào kỉ nguyên mới độc lập.

D. hệ thống xã hội chủ nghĩa nối liền từ châu Âu sang châu Á.

**Câu 13. Nguyên nhân quyết định nhất buộc Trung Quốc phải tiến hành cải cách - mở cửa vào năm 1978 là gì?**

A. Do cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973.

B. Tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.

C. Trung Quốc khủng hoảng về mọi mặt,

D. Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội tại Liên Xô.

**Câu 14. Đường lối cải cách - mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 hướng tới mục tiêu hiện đại hóa, đưa Trung Quốc trở thành:**

A. một quốc gia giàu mạnh, văn minh.

B. một cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới .

C. một cường quốc quân sự đúng đầu thế giới .

D. “một cực” của trật tự hai cực.

**Câu 15. Nội dung trọng tâm nhất của “Đường lối mới” trong công** **cuộc cải cách - mở cửa của Trung Quốc là :**

A. xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

B. đổi mới chính trị là nền tảng để đổi mới kinh tế.

C. lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.

D. lấy đổi mới chính trị làm trung tâm.

**Câu 16. Cuối những năm 90 của thế kỉ XX, những vùng lãnh thổ nào đã “trở về” với lãnh thổ của Trung Quốc?**

A. Hồng Công và Đài Loan.

B. Hồng Công và Ma Cao.

C. Đài Loan và Ma Cao.

D. Hồng Công và đảo Điếu Ngư.

**Câu 17. Bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể học hỏi công cuộc xây dựng đất nước Ấn Độ và cải cách – mở cửa của Trung Quốc là:**

A. thực hiện “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

B. đẩy mạnh “cách mạng chất xám”.

C. ứng dụng các thành tựu của cách mạng khoa học kĩ thuật.

D. mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế.

**Câu 18. SGK Lịch sử 9, Nxb Giáo dục 2015, tr 21 có nhận xét: “.. từ**

***sau năm 1945, Đông Nam Á đã trở thành một khu vực của các quốc gia đã giành độc lập tự do và đạt nhiều thành tựu to lớn đầu ấn tượng trong xây dựng đất nước và hợp tác phát triển”. Minh chứng tiêu biểu cho những thành tựu đó là:***

A. trở thành các quốc gia độc lập.

B. phân hóa trong chính sách đối ngoại.

C. sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.

D. tăng trưởng kinh tế nhanh chóng .

**Câu 19. Vì sao một số quốc gia Đông Nam Á đã tuyên bố độc lập (1945), nhưng sau đó vẫn phải tiếp tục kháng chiến?**

A. Đế quốc Âu - Mỹ quay trở xâm lược.

B. Quân phiệt Nhật vẫn chưa được giải giáp.

C. Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược.

D. Đế quốc Mĩ dựng lên chính quyền thân Mĩ .

**Câu 20. Yếu tố quan trọng nhất đưa đến sự phân hóa trong chính sách đối ngoại của các nước Đông Nam Á từ những năm 50 của thế kỉ XX là:**

A. sự tác động trật tự thế giới hai cực.

B. chính sách can thiệp của Mĩ.

C. nhiều nước đang đấu tranh giành độc lập.

D. sự chia rẽ từ trong quá khứ.

**Câu 21. Ý nào dưới đây giải thích không đúng về bối cảnh lịch sử đưa đến xu hướng mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX?**

A. “Chiến tranh lạnh” đã kết thúc.

B. Vấn đề Campuchia đã được giải quyết.

C. Chống lại sự hình thành trật tự “đa cực”.

D. Tình hình chính trị khu vực được cải thiện.

**Câu 22. Hiệp ước Bali (2/1976) đã xác định nhiều nguyên tắc hoạt động cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN, ngoài trừ nguyên tắc nào?**

A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

D. Mọi quyết định phải có sự nhất trí của 5 nước sáng lập.

**Câu 23. Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác trên lĩnh vực nào?**

A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Quân sự . D. Giáo dục .

**Câu 24. Quốc gia duy nhất của khu vực Đông Nam Á được lọt vào** **danh sách những “con rồng” kinh tế của châu Á là:**

A. Thái Lan. B. Brunây. C. Xingapo. D. Inđônêxia .

**Câu 25. Sự khởi sắc của tổ chức ASEAN được đánh dấu từ khi**

A. thông qua Tuyên ngôn thành lập ASEAN, xác định mục tiêu tổ chức.

B. Kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á, xác định nguyên tắc hoạt động.

C. “Vấn đề Campuchia” được giải quyết.

D. Kí Hiến chương ASEAN.

**Câu 26. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi diễn ra sôi nổi từ những năm 50 của thế kỉ XX, mở đầu ở:**

A. Bắc Phi.

B. Tây Nam Phi.

C. Đông Phi.

D. Nam Phi.

**Câu 27. Lịch sử ghi nhận năm 1960 là “Năm của châu Phi vì:**

A. tất cả các nước đều giành được độc lập.

B. hệ thống thuộc địa tan rã hoàn toàn.

C. có tới 17 nước tuyên bố độc lập.

D. chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi bị xóa bỏ.

**Câu 28. Kẻ thù chủ yếu trong phong trào giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Cộng hòa Nam Phi là:**

A. chủ nghĩa thực dân cũ.

B. chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai.

C. chủ nghĩa thực dân mới.

D. chế độ độc tài thân Mĩ.

**Câu 29. Nen-xơn Man-đê-la là lãnh tụ nổi tiếng của**

A. Cách mạng Cu Ba.

B. Phong trào giải phóng dân tộc ở An-giê-ri.

C. Phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ.

D. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

**Câu 30. Phương pháp đấu tranh chủ yếu mà các nước châu Phi sử dụng để chống chế độ thực dân là**

A. phương pháp chính trị.

B. đấu tranh kinh tế.

C. đấu tranh nghị trường.

D. phương pháp vũ trang.

**Câu 31. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) ở Việt Nam ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến phong trào giải phóng dân tộc ở nước nào của châu Phi?**

A. Ai Cập. B. Tuynidin. C. Ăngôla. D. Angiêri.

**Câu 32. Từ đầu những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, khu vực Mĩ La-tinh được ví như "Lục địa bùng cháy vì:**

A. Khu vực này thường xuyên xảy ra cháy rừng.

B. Cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ.

C. Cách mạng Cu ba thắng lợi rực rỡ.

D. Các nước này đều giành độc lập.

**Câu 33. Nước được mệnh danh là "Hòn đảo anh hùng” trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh là**

A. Achentina . B. Chile. C. Nicaragoa. D. Cu Ba.

Câu 34. Kẻ thù chủ yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ La-tinh là

A. chế độ phân biệt chủng tộc.

B. chủ nghĩa thực dân cũ.

C. chủ nghĩa thực dân mới.

D. chế độ phong kiến.

**Câu 35. Phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mĩ La-tinh diễn ra dưới hình thức nào là chủ yếu?**

A. Bãi công của công nhân.

B. Đấu tranh vũ trang.

C. Đấu tranh chính trị.

D. Đấu tranh báo chí.